

Số: /KH-UBND

Vạn Lương, ngày tháng.... năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai thu Quỹ phòng, chống thiên tai xã Vạn Lương năm 2023

Kính gửi: Phòng Kinh tế huyện Vạn Ninh

Thực hiện Công văn số 1455/UBND - KT ngày 04/5/2023 của UBND huyện Vạn Ninh về việc lập Kế hoạch thu Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2023 trên địa bàn huyện Vạn Ninh.

UBND xã Vạn Lương xây dựng Kế hoạch thu Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn xã năm 2023, cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu:

1. Mục đích:

- Chủ động ứng phó chỉ đạo, biện pháp cần thiết để phòng ngừa và khắc phục thiệt hại, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, đặc biệt giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản, cơ sở hạ tầng và các công trình trọng yếu.

2. Yêu cầu

Cán bộ, công chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động nghiêm túc thực hiện.

II. Đối tượng và mức đóng góp

Theo Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/08/2021 của Chính phủ, quy định cụ thể:

Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường theo quy định của pháp luật về lao động đóng góp hàng năm như sau:

Cán bộ, công chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong cơ quan đóng một phần hai của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng.

Áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

III. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp

2.1. Đối tượng được miễn đóng góp:

a. Đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020.

b. Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng;

d. Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên, người mắc bệnh hiểm nghèo hoặc mắc bệnh tâm thần có chứng nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên.

g. Phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

h. Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo; thành viên hộ gia đình ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, các xã khu

vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan; thành viên hộ gia đình bị thiệt hại nặng do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn.

i. Hợp tác xã không có nguồn thu.

k. Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị khi phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn (0,02%) tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 05 ngày liên tục trở lên có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.2. Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp:

Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ cấp tỉnh. Mức giảm đóng góp quỹ tương ứng mức giảm thuế thu nhập doanh nghiệp do cơ quan Thuế công bố hàng năm.

3. Dự kiến kế hoạch năm 2023

Đối tượng	Mức đóng góp	Số lao động	Kế hoạch thu
Đối với cán bộ, công chức, người lao động UBND xã	01 ngày lương	34	868.000
Đối với lao động khác	10.000đ/01lao động/ năm	425	4.250.000
Tổng			

(Kèm theo mẫu số 01)

II. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Công chức Tài chính – kế toán tham mưu cho UBND xã lập Kế hoạch thu Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2023 của cán bộ, công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của xã gửi về UBND huyện (qua Phòng Kinh tế)

Phối hợp với Ban nhân dân thôn thu quỹ phòng chống thiên tai đến từng hộ dân./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TC-KT./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Giáo

STT	Họ Và Tên	Mức lương tháng cơ bản sau khi trừ các khoản thuế, bảo hiểm phải nộp (đồng)	Mức đóng góp Quỹ (1/2 mức lương cơ bản/22 ngày)	Mức đóng góp quỹ (sau khi làm tròn)	Ghi Chú
I.Đối với cán bộ, công chức và hợp đồng lao động cấp xã					
1	Trần Thanh Hải	4.935.327	33.864	34.000	
2	Nguyễn Giáo	4.935.327	33.864	34.000	
3	Trương Thị Mỹ Ý	5.380.316	33.864	34.000	
4	Trần Thị Như Thoa	5.825.304	33.864	34.000	
5	Lê Văn Viên	4.045.350	33.864	34.000	
6	Trần Văn Ngọc	5.205.017	33.864	34.000	
7	Bùi Duy văn	3.600.362	33.864	34.000	
8	Lê Trần Diễm Hương	5.474.707	33.864	34.000	
9	Phạm Thị Thanh Thiêm	4.490.339	33.864	34.000	
10	Nguyễn Thái Hạ Tú	4.045.350	33.864	34.000	
11	Nguyễn Thanh Luyện	3.317.187	33.864	34.000	
12	Nguyễn Thị Hà Khánh	5.825.304	33.864	34.000	
13	Lê Thành Vinh	4.085.804	33.864	34.000	
14	Lê văn Trung	5.380.316	33.864	34.000	
15	Nguyễn Thái Vương	3.856.567	33.864	34.000	
16	Phạm Quốc Khải	3.155.373	33.864	34.000	
17	Nguyễn Thị Kim Hiếu	3.155.373	33.864	34.000	
18	Lê Văn Đạo	2.831.745	33.864	34.000	
19	Đặng Ngọc Dựng	3.600.362	33.864	34.000	
20	Trần Thị Kim Phượng	3.047.497	33.864	34.000	
21	Hồ Văn Ân	3.155.373	33.864	34.000	
22	Nguyễn Đức Hiệp	5.825.304	33.864	34.000	
II.Đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã					
23	Hà Thị Vân Trà	10.000	10.000	10.000	
24	Nguyễn Thị Minh Lâm	10.000	10.000	10.000	
25	Nguyễn Văn Tuấn	10.000	10.000	10.000	
26	Hoàng Xuân Hưng	10.000	10.000	10.000	
27	Bùi Minh Đạt	10.000	10.000	10.000	
28	Hồ Thị Biên	10.000	10.000	10.000	
29	Trương Công Hùng	10.000	10.000	10.000	
30	Nguyễn Đức Đoàn	10.000	10.000	10.000	

31	Lê Văn Thương	10.000	10.000	10.000	
32	Đặng Văn Hương	10.000	10.000	10.000	
33	Lê Đức Tiếp	10.000	10.000	10.000	
34	Trần Thanh	10.000	10.000	10.000	
Tổng				868.000	
III. Đối với lao động khác (Mỗi người đóng 10.000 Đồng cho 1 năm)					
Tổng số lao động khác (người)		Mức đóng góp		Số tiền đóng Quỹ năm (đồng)	
a		b		a*b	
425		10.000		4.250.000	

Vạn Lương, Ngày 09 tháng 05 năm 2023

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Giáo